

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:183/2024/DS – ST

Ngày: 19-9-2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và mua bán tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Bà Trần Cẩm Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:192/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024; Về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:445/2024/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 11, đường Tỉnh Lộ X, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Lệ Q, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 122, đường N, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Duy T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Nhà không số, Hẻm A, đường L, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Minh K, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Số 258, ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Lệ Q trình bày ý kiến:*

Ông Phạm Hồng H với ông Trần Duy T là bạn bè quen biết và làm ăn chung với nhau, kinh doanh thực phẩm hàng đông lạnh. Nên vào ngày 29 tháng 5 năm 2023, ông H có cho ông T vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng, việc cho ông T vay tiền có làm biên nhận và có sự chứng kiến của ông Đoàn Minh K.

Ngoài ra, ông Phạm Hồng H còn chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho ông Trần Duy T để nhập hàng đông lạnh để bán 03 lần:

- Lần 01: Vào ngày 06/02/2024 chuyển khoản số tiền 275.000.000 đồng.
- Lần 02: Vào ngày 26/02/2024 chuyển khoản số tiền 84.204.000 đồng để mua hàng đông lạnh (30 thùng Tỏi gà; 30 thùng cá Hồi; 30 thùng cánh gà và 32 thùng chân gà).
- Lần 03: Vào ngày 18/3/2024 chuyển khoản số tiền 21.375.000 đồng để mua hàng đông lạnh (10 thùng chân gà và 15 thùng cánh gà) và ông T có chuyển khoản trả lại số tiền 5.000.000 đồng, nên còn nợ lại số tiền 16.375.000 đồng

Tổng số tiền chuyển khoản cho ông Trần Duy T để mua số hàng đông lạnh nêu trên là 375.579.000 đồng.

Sau khi cho ông Trần Duy T vay số tiền nêu trên và chuyển số tiền mua hàng đông lạnh để bán thì ông T không trả tiền vốn, lãi vay và không giao hàng đông lạnh theo thỏa thuận của hai bên mua bán. Vì vậy, nay ông Phạm Hồng H K kiện ông Trần Duy T, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc ông Trần Duy T trả cho ông Phạm Hồng H số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm, tạm tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 29/3/2024 là 49.800.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (19/9/2024) là 01 năm 03 tháng 21 ngày, tương ứng với số tiền lãi là 78.186.000 đồng.

Buộc ông Trần Duy T trả lại cho ông Phạm Hồng H số tiền chuyển khoản

03 lần mua hàng đông lạnh nêu trên nhưng ông T không giao hàng, tổng số tiền là 375.579.000 đồng.

** Tại biên bản hòa giải ngày 05/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Duy T trình bày ý kiến:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng H về khoản vay số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 29/5/2023 là ông H trình bày không đúng sự thật. Thực tế ông T chỉ vay của ông H số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 30%/tháng, nhưng sau đó ông T đã chuyển khoản Ngân hàng trả cho ông H số tiền vốn 50.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Trong quá trình vay số tiền 100.000.000 đồng của ông H nêu trên thì ông đã chuyển khoản Ngân hàng trả lãi cho ông H với mức lãi suất 30%/tháng. Nhưng do làm ăn khó khăn nên ông không còn khả năng đóng lãi nữa nên vào ngày 29/5/2023 ông H mới kêu ông viết biên nhận nợ 300.000.000 đồng, thực tế là ông chỉ còn nợ ông H 50.000.000 đồng, do ông không biết chữ nên nhờ ông Đoàn Minh K viết biên nhận giùm, ông ký tên, thực tế ông không có nhận số tiền vay 300.000.000 đồng của ông H. Thực tế, ông đã trả cho ông H tổng cộng tiền lãi khoảng 600.000.000 đồng, chỉ còn nợ 50.000.000 đồng tiền vốn vay. Vì vậy, ông không đồng ý đối với yêu cầu K kiện đòi 300.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi của ông H, vì ông đã trả tiền lãi quá nhiều cho ông H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng H, yêu cầu ông T trả số tiền chuyển khoản 03 lần để mua hàng đông lạnh nêu trên với tổng số tiền 375.579.000 đồng là đúng, ông T đồng ý trả số tiền 375.579.000 đồng mua hàng cho ông H, do ông không có giao hàng đông lạnh cho ông H theo thỏa thuận của hai bên.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đoàn Minh K trình bày:*

Ông là người viết biên nhận vay số tiền 300.000.000 đồng ngày 29 tháng 5 năm 2023 giùm cho ông Trần Duy T. Còn việc giao nhận số tiền vay 300.000.000 đồng, cũng như mức lãi suất thỏa thuận, phương thức trả lãi như thế nào thì giữa ông Phạm Hồng H với ông Trần Duy T tự thỏa thuận, ông không biết. Vì vậy, việc tranh chấp số tiền vay nêu trên giữa ông H với ông T ông không có ý kiến.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo

các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng H đối với bị đơn ông Trần Duy T, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vốn vay 300.000.000 đồng, tiền lãi vay từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm và số tiền mua hàng đông lạnh tổng cộng là 375.579.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn ông Trần Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Duy T theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phạm Hồng H khởi kiện bị đơn ông Trần Duy T yêu cầu trả số tiền vốn, lãi vay và tiền mua hàng đông lạnh. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, nên nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết vụ kiện tranh chấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Hồng H với ông Trần Duy T là chỗ quen biết, làm ăn mua bán hàng đông lạnh với nhau. Theo phía nguyên đơn trình bày là vào ngày 29/5/2023 ông H cho ông T vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất cho vay thỏa thuận là 5%/tháng, việc cho vay có làm biên nhận, có ông T ký tên. Còn phía bị đơn ông T cho rằng chỉ vay của ông H số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 30%/tháng, nhưng đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng, do ông kinh doanh khó khăn, không có khả năng trả lãi cao với 30%/tháng, nên ông H đã tính lãi, vốn cộng lại với nhau và bắt ông viết biên nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T thừa nhận có nhận số tiền mua hàng đông lạnh (các sản phẩm đông lạnh như gà, cá...) của ông H tổng cộng là 375.579.000 đồng, nhưng ông không có giao hàng đông lạnh cho ông H như hai bên thỏa thuận mua

bán. Do ông T kinh doanh khó khăn, không có khả năng T toán, nên ông H K kiện ông T trả số tiền cho vay và tiền nợ mua hàng. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng H đối với bị đơn ông Trần Duy T:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H đòi lại số tiền mua hàng đông lạnh đã chuyển khoản cho ông T tổng cộng 03 lần là 375.579.000 đồng, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như biên bản hòa giải ngày 05/7/2024, bị đơn ông Trần Duy T thừa nhận có nhận số tiền mua hàng đông lạnh của ông Phạm Hồng H tổng cộng là 375.579.000 đồng, nhưng không có giao hàng đông lạnh cho ông H như hai bên thỏa thuận, nên ông T đồng ý trả lại khoản tiền này cho ông H. Do đó, những tình tiết, sự kiện nêu trên là sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, nguyên đơn ông Phạm Hồng H khởi kiện bị đơn ông Trần Duy T đòi lại số tiền vốn 375.579.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H đòi bị đơn ông T trả số tiền cho vay 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật 20%/năm, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện này, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 29/5/2023 có nội dung: “...Tôi Đoàn Minh K có đại diện cho anh Trần Duy T cư ngụ số 292, Lý Thường Kiệt, khóm 2, phường 4, TPST có mượn của anh Phạm Hồng H số tiền 300.000.000 đồng...ông Trần Duy T ký tên dưới chữ người nhận tiền, có người viết biên nhận giùm là ông Đoàn Minh K ký tên...”(bút lục 15) và Bản sao kê tài khoản Ngân hàng Vietcombank của ông Phạm Hồng H, số tài khoản 0321000669678 (bút lục 18 đến 25), có thể hiện nội dung chuyển khoản nhiều lần cho ông Trần Duy T qua số tài khoản 060238674398 (Tài khoản Ngân hàng Sacombank tên ông Trần Duy T); cụ thể: Ngày 14/01/2023 chuyển khoản lần 1 số tiền 100.000.000 đồng và lần 2 số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 10/02/2023 chuyển khoản số tiền 110.000.000 đồng; Ngày 23/3/2024 chuyển số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 18/4/2023 chuyển số tiền 100.000.000 đồng và ngày 29/5/2023 chuyển số tiền 20.000.000 đồng. Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ, được bị đơn ông Trần Duy T thống nhất và thừa nhận chữ ký biên nhận ngày 29/5/2023 là do ông T ký tên và số tài khoản 060238674398 là tài khoản Ngân hàng của ông T, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92

của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng, bị đơn ông T phản đối yêu cầu K kiện này của nguyên đơn ông H, cho rằng thực tế ông T chỉ vay của ông H số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 30%/tháng và ông T đã trả cho ông H được số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng, do ông T mua bán gặp khó khăn, không còn khả năng trả tiền lãi nên ông H đã tính tiền lãi với mức lãi suất 30%/tháng cộng với tiền vốn vay còn nợ 50.000.000 đồng, thành biên nhận vay số tiền 300.000.000 đồng, thực tế vào ngày 29/5/2023 ông T không có nhận số tiền vay 300.000.000 đồng từ ông H, mà chỉ ký biên nhận nợ và ông T đã trả tiền lãi cho ông H khoảng 600.000.000 đồng, nên yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi đã trả cho ông H. Tuy nhiên, Tòa án đã ra Thông báo số 31/TB-CCCC ngày 10 tháng 7 năm 2024, yêu cầu ông Trần Duy T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu K kiện của nguyên đơn ông H nêu trên về số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và số tiền lãi mà ông T cho rằng đã trả cho ông H khoảng 600.000.000 đồng, với mức lãi suất 30%/tháng, nhưng bị đơn ông Trần Duy T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến phản đối của mình, nên pH gánh chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị đơn ông Trần Duy T có vay của nguyên đơn ông Phạm Hồng H số tiền vay 300.000.000 đồng nhưng chưa T toán.

Do bị đơn ông Trần Duy T chưa trả số tiền vay 300.000.000 đồng nêu trên cho nguyên đơn ông H, nên nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền lãi tính kể từ ngày hai bên đối chiếu và xác nhận nợ vào ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể số tiền lãi là: Tiền vốn vay 300.000.000 đồng x mức lãi suất 20%/năm x thời gian tính lãi 01 năm 03 tháng 21 ngày (Từ ngày 29/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2024) = 78.186.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi vay bị đơn ông Trần Duy T có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn ông Phạm Hồng H là: 300.000.000 đồng + 78.186.000 đồng = 378.186.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[5.1] Nguyên đơn ông Phạm Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu K kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Bị đơn ông Trần Duy T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng đối với yêu cầu K kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 91; Điều 92; Điều 95; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 430, 433, 434, 440, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng H đối với bị đơn ông Trần Duy T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản.

2. Buộc bị đơn ông Trần Duy T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phạm Hồng H số tiền vốn và lãi vay tổng cộng là 378.186.000 đồng. Trong đó, tiền vốn vay là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2024 là 78.186.000 đồng.

3. Buộc bị đơn ông Trần Duy T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phạm Hồng H số tiền mua hàng đông lạnh (tôi, chân, cánh gà, cá hồi...), tổng cộng là 375.579.000 đồng.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn ông Phạm Hồng H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Trần Duy T không thanh toán số tiền nêu trên cho ông H thì ông T còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Nguyên đơn ông Phạm Hồng H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.507.000 đồng theo biên lai thu số 0001707 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

[4.2] Buộc bị đơn ông Trần Duy T có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 34.150.600 đồng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn ông Trần Duy T thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha

